



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: 011 54 76

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE VAN CHAU
Last Middle First

Current Address: 543/86 Ng Đình Chiểu P.2. Q.3. TP HCM.

Date of Birth: 08/01/43 Place of Birth: Gò Công

Previous Occupation (before 1975) Capt.
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06/01/75 To 05/09/80
Years: 5 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: Phạm Hồng Bảo
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: 01107

VEWL#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE VAN CHAU
Last Middle First

Current Address: 543/86 NGUYEN DINH CHIEN F2/Q3 TP HO CHI MINH

Date of Birth: 1-8-1943 Place of Birth: TAN THOI, GO CONG

Previous Occupation (before 1975) POLICE CAPTAIN, PSYCHOLOGY DEPT
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From MAY-1-75 To MAY 29 19
Years: 5 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: PHAM THI MY YEN
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship
<u>BAO HONG PHAM</u>	<u>BROTHER</u>
_____	<u>LAIV</u>
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LE VAN CHAU
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
PHAM THI DO OANH	1941	wife
LE THUY TIEN	1968	daughter
LE THU TIEN	1970	daughter
LE BICH TIEN	1974	daughter
LE XUAN TIEN	1981	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: 0112

VEWL.#: _____

I-171#: Y (NO)

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE VAN CHAU
Last Middle First

Current Address: 543/86 NGUYEN DINH CHIEN F2/Q3 TP HO CHI MINH

Date of Birth: 1-8-1943 Place of Birth: TAN THOI, GO CONG

Previous Occupation (before 1975) POLICE CAPTAIN, PSYCHOLOGY DEPT
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From MAY-1-75 To MAY 29 19
Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: PHAM THI MY YEN

Address and Telephone Number _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>BAO HONG PHAM</u>	<u>BROTHER</u>
_____	<u>DAU</u>
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LE VAN CHAU
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
PHAM THI DO OANH	1941	Wife
LE THUY TIEN	1968	daughter
LE THU TIEN	1970	daughter
LE BICH TIEN	1974	daughter
LE XUAN TIEN	1981	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

2.6.89

MRS THO,
Châu, em tôi ở VN
còn một giấy: TO
WITOM IT MAY CONCERN
du BANGKOK EMB
Cấp.

Đã lấy 9 năm
Châu đã có sổ IV.
Nhưng vì ở tù nên không
được lấy sổ. 1987

Châu đã được
cấp sổ IV.

Tôi gửi tất cả hồ sơ
của em như bà giúp
để nên có thi.

Yin thank lot
con ơn bà.

Bà

INTAKE FORM (Two copies)

1. NAME : Lê VÂN CHÂU
Last Middle First
2. DATE, PLACE OF BIRTH: 1-8-1943- Tân Thới - Gò Công
3. SEX: Male: X Female: _____
4. MARITAL STATUS: Single: _____ Married: X
5. ADDRESS IN VIETNAM: 543/86 Nguyễn Đình Chiểu², F2, Q3
TP Hồ Chí Minh. V-N
6. POLITICAL PRISONER : Yes: X No: _____
- If yes, From: 1-5-1975 to: 29-5-1980
Second time: 19-10-1987 to: 29-1988 (Binh)
7. PLACE OF RE-EDUCATION CAMP: Trại Phong Quang (Lao Cai)
- Lũy Sỏi 4 (Bắc Thái)
- Trung Tâm 3 (Nghệ Tĩnh)
8. PROFESSION: Jobless
9. EDUCATION IN US: General Police Course # 32 in 1971
at International Police Academy - Washington D.C
U.S.A.
10. RVN ARMY, RANK:
11. RVN GOVERNMENT, POSITION: Police Captain.
12. APPLICATION FOR ODP:

Yes: X

IV Number: 0115476 - Date 17.6.87.

No: _____

13. NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING: 05 (a wife and 4 children)
14. MAILING ADDRESS IN VIETNAM: 543/86 Nguyễn Đình Chiểu² F2. Q3
TP Hồ Chí Minh in V-N.
15. NAME AND ADDRESS OF SPONSOR/ RELATIVES:
- Phạm Hồng Bảo
- Phạm Thị Mỹ Yên
16. US CITIZEN: Yes: X No: _____
17. RELATIONSHIP WITH PRISONER: my brother and sister in Law
18. NAME AND SIGNATURE: Lê Văn Châu Lên Văn Châu

Address and Telephone of Informant:

19. DATE: 1-1-1989.

ODP IV No 0415476

Date: 17-6-87

A. BASIC IDENTIFICATION DATA

1. Name : Lê văn CHÂU
2. Other name :
3. Date/Place of Birth: 1-8-1943 - Tân Thới - Gò Công -
4. Residence address : 543/86 Nguyễn Đình Chiểu F2 Q3 TP H.C.M.
5. Current occupation : Jobless

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME

No:	Name	DOB	POB	Sex/H/S	Address	Relation
1.	Phạm thị Đỗ - Oanh	1941	Hồng gáy	F M	The same my address	wife
2	Lê Thủy Tiên	1968	Saigon	F S	"	daughter
3	Lê Thu Tiên	1970	Saigon	F S	"	"
4	Lê Bích Tiên	1974	Saigon	F S	"	"
5	Lê Xuân Tiên	1981	Saigon	F S	"	"

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM

1. Closest relatives in the US:

Name	Relationship	Address
1. Phạm Hồng Bảo ²	my brother in law	
2. Phạm thị Mỹ Yên	my sister in law	

2. Closest relatives in other foreign countries: No.

Name	Relationship	Address
------	--------------	---------

D. COMPLETE FAMILY LISTING

Living/Dead

Address

1. Father : Lê văn Dâm (dead)
2. Mother : Nguyễn thị Dung (dead)
3. Spouse : Phạm thị Đỗ - Oanh → The same my address
4. Former spouse (if any): X
5. Children:
 1. Lê Thủy Tiên
 2. Lê Thu Tiên
 3. Lê Bích Tiên
 4. Lê Xuân Tiên

6. Siblings:

1. Lê văn Mỹ
 2. Lê thị Lanh
 3. Lê thị Quê
 4. Lê thị Cấn
- Living - Tân Thới - Gò Công Tiền Giang
 " " " " "
 " " " " "
 " 136/38 Vạn Kiếp

E. EMPLOYMENT BY US GOV. AGENCIES OR OTHER ORGANISATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of person employed:
2. Date: from to
3. Title of last position held:
4. Agency/Company/Office:
5. Name of last supervisor:
6. Reason for leaving:
7. Training for job in Vietnam:

F. SERVICE WITH GNV OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of person serving: *Lê-văn Châu*
2. Date: from *10-2-1965* to *30-4-1975*
3. Last rank: *Police Captain - Psychology Department*
4. Ministry/Office/Military unit: *National Police Headquarters*
5. Name of supervisor: *Col. Vũ Văn Tâm*
6. Reason for leaving: *30-4-75*
7. Name of American Advisor:
8. US training courses in VN: *Studying English at Staff Development Center*
9. US Awards or Certificates:

G. TRAINING OUTSIDE OF VN OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of student/Trainee: *Lê văn Châu*
2. School and School address: *International Police Academy*
3. Date: from *1-1971* to *5-1971*
4. Description of courses: *I studied "Border patrol and Customs"*

H. RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of person in re-education: *Lê văn Châu*
2. Total time in re-education: *first time = 5 years and a month.*
3. Still in re-education: *Second time: 10 months*

I. ANY ADDITIONAL REMARKS

- 2- *Phạm Thị Đỗ Oanh = 2 months and 20 days*
- 3- *Lê Thúy Tiên*
- 4- *Lê Thu Tiên (with false name "Lê Ngọc Tiên")*
- 5- *Lê Bích Tiên*

Signature: *L. Văn Châu* Date: *1-1-1989*

J. PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE

TY CÔNG AN ĐỒNG NAI

CÔNG AN VÙNG TÀU

SỐ 844 NY

CỘNG-HÒA XÃ-HỘI CHỦ-NGHĨA VIỆT-NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

LỆNH THA

Tôi Trần Cảnh Nhân

Chức vụ Thủ Công an thị xã Vũng Tàu

Căn cứ vào quyết định miễn tố số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____

Đối với bị can Phạm Thị Đức Cảnh Bắt ngày 18 tháng 6 năm 1975

Ước từ: Suốt đời

Căn cứ vào pháp luật Nhà nước

RA LỆNH THA

Họ và tên Phạm Thị Đức Cảnh

Bí danh không

Sinh ngày 2 tháng 6 năm 1941

Sinh quán Thôn Gai, miền Bắc

Trú quán 12/21 hẻm 16 Nguyễn Thiện Thuật; quận 5; thành phố Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp Nhà trọ

Ông Giám thị trại tạm giam CÔNG AN THỊ XÃ VÙNG TÀU

thi hành khi nhận được lệnh này.

Lệnh này gửi đến ông Viện trưởng VKSND Thị Xã Vũng Tàu đề trường.

* Công tha với 3 con:

1. Cháu Dương Văn 10 tuổi

2. Cháu Bích Tiên 4 tuổi

3. Cháu Ngọc Tiên 8 tuổi

NƠI NHẬN

Ông Viện trưởng VKSND _____ đề biếu

đề báo cáo

Ông Giám thị trại tạm giam _____ đề thi hành

đề biếu

Đương sự khi vô trình với _____ biết

Lưu hồ sơ

VÙNG TÀU, ngày 8 tháng 7 năm 1975
T/M CÔNG AN THỊ XÃ VÙNG TÀU



Trần Cảnh Nhân

T. 500b

BỘ NỘI VỤ
CÔNG AN TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
- Độc lập Tự Do Hạnh Phúc.

Số : 941 /LT.

R
% % % % % % - I % % %

000

- A -

Tôi : guyễn. Vap. Quang
Chức vụ : . Phó giám đốc công an Tỉnh Bến Tre
Căn cứ lệnh tha số 753 . . . ngày 29 tháng 8 năm 1988
của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bến tre :
Đối với : . Lê Văn Châu . 19/10/87
Can tội : . trốn đi nước ngoài
bị phạt cưỡng bức lao động

RA LỆNH THA

Họ và tên : . Lê Văn Châu Bí danh
Sinh ngày tháng . . . năm 1943
Sinh quán : . . . Tiền Giang
Trú quán : . 543/86 Nguyễn Đình Chiểu Phường 8 quận 3 TP/HCM
Nghề nghiệp :

Ông Giám thị Trại giam giam Công an Tỉnh Bến tre thi hành lệnh này .

Lệnh này gửi đến Ông Viện Trưởng Viện kiểm sát Nhân dân Tỉnh Bến tre để tương .

Nơi nhận :

BẾN TRE, ngày 2 tháng 9 năm 1988

- Ông Viện trưởng VKSND "để biết"
- "để báo cáo"
- Ông Giám thị TIG "để thi hành"
- Đường sự khi về trình với
- "để biết"
- Lưu Hồ sơ .

Phó Giám đốc

Nguyễn Văn Quang

TỈNH HAY THÀNH-PHỐ
Tỉnh Đà Nẵng

QUẬN, B. Martins

XÃ , _____ L: 3-6170

Số hiệu : 02/74

TRÍCH - LỤC

CHỨNG - THƯ HÔN - THỰ

Tên, họ người chồng Le-Van-Chau

nghề nghiệp : _____ Công-Chức _____

sinh ngày 01 tháng 08 năm 1943

tại Xã Tân-Thới, (Tỉnh Gò-Công)

cu-sở tại _____

lưu-trữ tại 61 Tôn-Thất-Thuyết Bannethuot

Tên, họ cha chồng Lê-Văn-Dân(S)
(Sống chết? phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ chồng Nguyễn-Thị-Dong(S)
(S6ng chái phải ghi rõ)

Tên, họ người vợ Phạm-Thị-Đỗ-Oanh

nghề nghiệp Học-Sinh

sinh ngày 02 tháng 06 năm 1941

tai HonGay (BV)

cr-sò tai _____

lưu-trữ tại Sĩ Tôn-Thất (Thuyết Banmethuot

Tên, họ cha vợ Phạm-Dục-Thảo(S)
(Số ng chế: phải ghi rõ)

Tên họ mẹ vợ _____ Lê-Thị-Bích (S)
Sống/chết phải ghi rõ)

Ngày cưới Ngày ba mươi một tháng giêng DL năm 1967

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-khế..... //

ngày 11 tháng 7 năm 1977

141

TRÍCH Y BỒN CHÁNH

Xã Lạc-Giáo, ngày 21 tháng 01 năm 1967

Viên-chức Hộ-tịch.

THI-THUC CHỮ-KÝ

CỦA ÔNG CHỦ TỊCH ỦY BAN HÀNH CHÍNH XÃ LẠC-BIÊN

Đanm2thuộtlà: 3 tháng 2 năm 1967

TỈNH LẠNG GIANG TỈNH ĐÀRLAC

TRƯỜNG TẬP Y HÀNH-CHÁNH

ĐANG · UYÊN

VIỆN ĐẠI-HỌC SAIGON

Université de Saigon

LUẬT-KHOA ĐẠI-HỌC ĐƯƠNG

Faculté de Droit

Số
No 2517 LK/ĐH/CC

CHỨNG-CHỈ TẠM-THỜI

(Attestation provisoire)

KHOA-TRƯỞNG LUẬT-KHOA ĐẠI-HỌC ĐƯƠNG SAIGON
Le Doyen de la Faculté de Droit de Saigon

CHỨNG NHẬN :

Atteste que

Ô.
M. LÊ VĂN CHÂU

Sinh ngày 01 . 08 . 1943
Né le

tại GÒ CÔNG

đã trúng tuyển kỳ thi
a été reçu aux examens

TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN LUẬT KHOA
(BAN TƯ PHÁP)

Khóa ngày
Session du

I . 7 . 1974

SAIGON

Xếp hạng
Mention

Vấn đáp I

1er oral

Vấn đáp II

2è oral

THỨ

THỨ

Chứng chỉ này cấp tạm thời với điều kiện kết quả kỳ thi được
Celle attestation est déléguée provisoirement sous réserve de la ratification ultérieure

Ông Tổng-Trưởng Văn-Hóa Giáo-Dục phê-chuẩn.

du résultat des examens par M. Le Ministre de la Culture et de l'Éducation Nationale.

Saigon, ngày 8 tháng 8 năm 1974
Saigon, le

KHOA-TRƯỞNG

Le Doyen

NGƯỜI LẬP CHỨNG CHỈ :
Trưởng-Phòng Học-Vụ và Khảo-Thí,

Số 630 /SY/PB

SAIGON

TRƯỞNG PHÒNG HỌC VỤ VÀ KHẢO THÍ

TRƯỞNG PHÒNG HỌC VỤ VÀ KHẢO THÍ

TRƯỞNG PHÒNG HỌC VỤ VÀ KHẢO THÍ

GS. VŨ QUỐC THÔNG

NGUYỄN THỊ TH

CHÚ THÍCH : Chứng chỉ này chỉ cấp một lần : nếu cần, sinh-viên phải làm bản sao có thị thực.

Observation : Aucun duplicata du présent certificat ne sera délégué : les intéressés devront en faire établir, le cas échéant, des

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA
République du Việt - Nam

BỘ TƯ - PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ- PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud Việt-Nam

PHÒNG LỤC - SỰ TÒA

ĐÌNH TƯỜNG

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN TRÍCH - LỤC BỘ KHAI - SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

Làng Tân-Thới (GÒ-CÔNG)

(NAM - PHẦN)

(Sud Việt-Nam)

NĂM 1943

(Année)

SỐ HIỆU 165

(Acte N°)

Tên họ đưa con nít (Nom et prénom l'enfant)	LÊ - VĂN - CHÂU	
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nam	
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Le 1er Août 1943	
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Tân-Thới	
Tên họ cha (Nom et prénom du père)	Lê-văn-Dâm	
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Làm ruộng	
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tân-Thới	
Tên họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Nguyễn-thị-Dòng	
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Làm ruộng	
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tân-Thới	
Vợ chánh hay thứ (Son rang épouse mariée)	Vợ chánh	

Chúng tôi NGUYỄN-ĐỨC-QUÝ, Thẩm-Phán TUN.
(Nous)

Trích y bản chánh
(Pour extrait conforme)

được Chánh-án Tòa ĐÌNH TƯỜNG
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông TRẦN-NGỌC-KHÁNH
(M)

Chánh Lục-sư Tòa-án sở tại
(Greffier en Chef du Tribunal)

MYTHO ngày 17/6/ 19 66

KT. CHÁNH AN
(LE PRÉSIDENT)

MYTHO ngày 17/6/ 19 66

CHÁNH-LỤC-SƯ
(LE GREFFIER EN CHEF)

Giá tiền
(Cout)

5.800

Biên lai số
(Quittance No)

105000

/TH/TC/



GIẤY KHAI SINH

-1-1-1-1-1-1-1-

Tên và họ của trẻ con

Con trai hay con gái

Đẻ ở đâu

Đẻ ngày nào

Tên và họ người mẹ

Ở đâu

Làm nghề nghiệp gì

Tên và họ người mẹ

Làm nghề nghiệp gì

Ở đâu

Là vợ thu mấy

Tên và họ người dùng khai

Bao nhiêu tuổi

Làm nghề nghiệp gì

Ở đâu

Tên và họ người làm chung thu 1

Bao nhiêu tuổi

Làm nghề nghiệp gì

Ở đâu

Tên họ người làm chung thu 2

Bao nhiêu tuổi

Làm nghề nghiệp gì

Ở đâu

Tên và họ người làm chung thu ba

Bao nhiêu tuổi

Làm nghề nghiệp gì

Ở đâu

: PHAM - THI - DO - OANH

: Con gái

: Ngày 2 Juin 1941 ở Hongay

: Ngày 2 Juin 1941

: PHAM DUC THAO

: Số 147 Rue Charron Hanoi

: Công An viên Vietnam

: LE THI BICH

: Commerçante

: Số 51 Rue Duvigneau

: Vợ cả

: PHAM DUC THAO C.I. 1102-H3 du 27.12.47

: 36 tuổi

: Công An viên Vietnam

: 147 Charron

: Pham van Trong C.I. 14429 du 17.4.48

: 47 tuổi

: Commerçant

: Số 51 Duvigneau

: Nguyen van Hoan C.I. 5544-H4 27.4.48

: 33 tuổi

: Commerçant

: Số 51 Duvigneau

: Nguyen van Kien C.I. 1117.H2 27.12.47

: 27 tuổi

: Commerçant

: Số 147 Charron

Ký tên

Pham Duc Thao ký

Người dùng khai:

Pham Duc Thao ký

Vu pour la légalisation de la signature de Mr. Le Quang Dat Chef du llè secteur apposée ci-contre

Hanoi le 21 Mai 1948

Le maire

A Hanoi le 19 Mai 1948

Các người làm chung ký tên:

1/ Pham van Trong ký

2/ Nguyen van Hoan ký

3/ Nguyen van Kien ký

Le Ly Truong :

Vu et certifié exact

Le Chef du llè secteur

Ký tên: Le Quang Dat ký tên;

Pour copie conforme

Hanoi le 21 Décembre 1950

P. Le Maire et P.O.

Le Chef du Bureau de l'Etat Civil

Ký tên không rõ và đóng dấu,

ĐƠN MỆTHUOT

Đan-methuot.

Trần Văn Trường Trưởng

Phó Trưởng

SIENCE 10K

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, phường _____

Huyện, Quận _____

Tỉnh, Thành phố **Saigon**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

TP/HT

Số

Quyền

4988



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên **LÊ THỊ TIỀN** Nam hay nữ **Nữ**

Ngày, tháng, năm sinh **11 Tháng 06 Năm 1968** ;

Nơi sinh **Saigon, 75 Cao Thắng**

Dân tộc _____ Quốc tịch **VN**



Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	Phạm Thị Hồ Cảnh	Lê Văn Chiến
Tuổi	27	29
Dân tộc	/	/
Quốc tịch	Viet Nam	Viet Nam
Nghề nghiệp	Hiện tại viên cảnh sát	Hiện tại viên cảnh sát
Nơi thường trú	Saigon, 528/15/29	Trương Minh Giảng

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Lê Thị Bích Thủy

Saigon, 75 Cao Thắng

Đăng ký ngày **12** tháng **06** năm **68**

Người đứng khai,
Lê Thị Bích Thủy

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN
Viên chức hợp tịch địa lý

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày **12** tháng **11** năm **1968**



T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

tên, đóng dấu

[Signature]

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, phường _____

Huyện, Quận 3

Tỉnh, Thành phố Saigon

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

TP/HT

Số 3473

Quyền



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên LÊ THỊ TIỀN Nam hay nữ NỮ

Ngày, tháng, năm sinh 12 Tháng 05 năm 1970, 00h35'

Nơi sinh Saigon, 75 Cao Thắng

Dân tộc _____ Quốc tịch VN



Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Phạm Thị Hồ Ganh</u>	<u>Lê Văn Chấn</u>
Tuổi	<u>29T</u>	<u>27T</u>
Dân tộc	<u>/</u>	<u>/</u>
Quốc tịch	<u>Hội trợ</u>	<u>Công chức</u>
Nghề nghiệp	<u>Saigon, 16/11/37 Nguyễn Thái Thuật</u>	
Nơi thường trú		

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Lê Thị Bích Thủy

Saigon, 75 Cao Thắng

Đăng ký ngày 13 tháng 05 năm 1970

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

Lê Thị Bích Thủy

Bà ký Trần Văn Mẫn

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 11 tháng 11 năm 1988

T/M UBND Q3

Ký tên, đóng dấu



Trần Văn Mẫn

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TP/HT

Xã, phường Phạm Đình Phùng

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Số

Huyện, Quận 3

Quyền 909

Tỉnh, Thành phố Saigon



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên LÊ HỊCH TÙNG Nam hay nữ NỮ

Ngày, tháng, năm sinh 03 Tháng 11 năm 1974, 10h57'

Nơi sinh Saigon, 15 Bis Cao Thắng

Dân tộc V.N Quốc tịch V.N



Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Phạm Thị Đỗ Thanh</u>	<u>Lê Văn Chân</u>
Tuổi	<u>38</u>	<u>38</u>
Dân tộc	<u>/</u>	<u>/</u>
Quốc tịch	<u>/</u>	<u>/</u>
Nghề nghiệp	<u>Nội trợ</u>	<u>Công chức</u>
Nơi thường trú	<u>Saigon, 2/2/21 Nguyễn Triện Thuận</u>	

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Trương Thị Oanh
Saigon, 15 Bis Cao Thắng

Đăng ký ngày 04 tháng 11 năm 19 74
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

Trương Thị Oanh

Ký : Đại úy Nguyễn Văn Trung

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 11 tháng 11 năm 1988

T/M UBND 03
Ký tên, đóng dấu



[Signature]



NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mã HTSP/3

sinh HCM

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số, 21

Quyển số 01

Họ và Tên	Lê Xuân Tiên		Nam, nữ ☒
Sinh ngày tháng, năm	23/2/1981		
Nơi sinh	Xã Hòa Thịnh		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Lê Văn Châu 1943	Phạm Thị Cảnh 1941	
Dân tộc	Kinh		
Quốc tịch	Việt Nam		
Nghề nghiệp	Lao động	biên bản	
Nơi ĐKNK thường trú	Tên Trại Bó Công	543/PA Ng Đình Chiểu	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Phạm Đức Thảo		

NHẬN THỰC SAO Y BAN CHANH

Ngày 6 tháng 8 năm 1987

TM/UBND 03 ký tên đóng dấu

Đang ký ngày 11 tháng 3 năm 1987

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)



INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : LE UÂN CHAU
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : 1 8 1943
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
 SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): M Female (Nu): _____
 MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): M
 (Tinh trang gia dinh):
 ADDRESS IN VIETNAM : 543/86 NGUYEN DINH CHIEU
 (Dia chi tai Viet-Nam) F2/Q3 T.P HO CHI MINH
 POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
 If Yes (Neu co): From (Tu): 1975 To (Den): 1980
 PLACE OF RE-EDUCATION: PHONG QUANG CAMP, PHU SON 4, TRUNG TAM 2
 CAMP (Trai tu) N. VIETNAM
 PROFESSION (Nghe nghiep): POLICE CAPTAIN, P.
 EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): GENERAL POLICE COURSE #32 IN 1971
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): AT INTER POLICE ACADEMY WASHINGTON
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____ Date (nam): _____
 APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
 IV Number (So ho so): 011571
 No (Khong): _____
 NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 5
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti
 MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 543/86 NGUYEN DINH
CHIEU - F2/Q3 T.P HO CHI MINH
 NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
PHAM THI MY YEN
8821 FAIRFIELD ST PA 19152
 U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): _____
 RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): SISTER IN LAW
 NAME & SIGNATURE: BORIS PHAM PH 513 322 3675
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) 185 OHIO AVE FT MYER FL 33905
 DATE: 7 10 1989
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LE VAN CHAU
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
PHAM THI DO OANH	1941	Wife
LE THUY TIEN	1968	daughter
LE THU TIEN	1970	daughter
LE BICH TIEN	1974	daughter
LE XUAN TIEN	1981	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : LE CHAN CHAU
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : 1 8 1950
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
 SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): M Female (Nu): _____
 MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): M
 (Tinh trang gia dinh):
 ADDRESS IN VIETNAM : 543/86 NGUYEN DINH CHIEU
 (Dia chi tai Viet-Nam) F2/Q3 T.P HO CHI MINH
 POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
 If Yes (Neu co): From (Tu): 1975 To (Den): 1980
 PLACE OF RE-EDUCATION: PHONG QUANG CAMP, PHU SON 4, TRUNG TAM
 CAMP (Trai tu) N. VIETNAM
 PROFESSION (Nghe nghiep): POLICE CAPTAIN, P.
 EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): GENERAL POLICE COURSE #32 IN 1971
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): AT INTER POLICE ACADEMY
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____ Date (nam): _____
 APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
 IV Number (So ho so): 011571
 No (Khong): _____
 NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 5
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti
 MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 543/86 NGUYEN DINH
CHIEU - F2/Q3 T.P HO CHI MINH
 NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
PHAM THI MY YEN
 U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): _____
 RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): SISTER IN LAW
 NAME & SIGNATURE: BORU. Pham
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____
 DATE: 7 10 1989
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LE VAN CHAU
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
PHAM THI DO OANH	1941	wife
LE THUY TIEN	1968	daughter
LE THU TIEN	1970	daughter
LE BICH TIEN	1974	daughter
LE XUAN TIEN	1981	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

ĐƠN HỒI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trụ sở tại tạo số 3

Số 101/VF

GIẤY HỒ TÀI

Thị trấn An Khê, huyện An Khê, tỉnh Đăk Nông ngày 17 tháng 4 năm 1980 của Bộ Nội vụ.

Họ tên: Nguyễn Văn Chanh

Họ và tên: Lê Văn Chanh

Sinh ngày: tháng năm 1943

Nơi thường trú: 212/25/11, huyện An Khê, tỉnh Đăk Nông

Cơ quan: Đại tá, Cảnh sát an ninh, chỉ huy phòng

Ngày: 12-5-1975

Chức vụ: Phó trưởng phòng Cảnh sát an ninh, huyện An Khê, tỉnh Đăk Nông

Ngày: 21/25/11, huyện An Khê, tỉnh Đăk Nông

Chức vụ: Phó trưởng phòng Cảnh sát an ninh, huyện An Khê, tỉnh Đăk Nông

Chức vụ: Phó trưởng phòng Cảnh sát an ninh, huyện An Khê, tỉnh Đăk Nông

Chức vụ: Phó trưởng phòng Cảnh sát an ninh, huyện An Khê, tỉnh Đăk Nông

Chức vụ: Phó trưởng phòng Cảnh sát an ninh, huyện An Khê, tỉnh Đăk Nông

Chức vụ: Phó trưởng phòng Cảnh sát an ninh, huyện An Khê, tỉnh Đăk Nông

Chức vụ: Phó trưởng phòng Cảnh sát an ninh, huyện An Khê, tỉnh Đăk Nông

Chức vụ: Phó trưởng phòng Cảnh sát an ninh, huyện An Khê, tỉnh Đăk Nông

Chức vụ: Phó trưởng phòng Cảnh sát an ninh, huyện An Khê, tỉnh Đăk Nông

Chức vụ: Phó trưởng phòng Cảnh sát an ninh, huyện An Khê, tỉnh Đăk Nông

Chức vụ: Phó trưởng phòng Cảnh sát an ninh, huyện An Khê, tỉnh Đăk Nông

Chức vụ: Phó trưởng phòng Cảnh sát an ninh, huyện An Khê, tỉnh Đăk Nông

Chức vụ: Phó trưởng phòng Cảnh sát an ninh, huyện An Khê, tỉnh Đăk Nông

Chức vụ: Phó trưởng phòng Cảnh sát an ninh, huyện An Khê, tỉnh Đăk Nông

Chức vụ: Phó trưởng phòng Cảnh sát an ninh, huyện An Khê, tỉnh Đăk Nông

Chức vụ: Phó trưởng phòng Cảnh sát an ninh, huyện An Khê, tỉnh Đăk Nông

Chức vụ: Phó trưởng phòng Cảnh sát an ninh, huyện An Khê, tỉnh Đăk Nông

Chức vụ: Phó trưởng phòng Cảnh sát an ninh, huyện An Khê, tỉnh Đăk Nông

Chức vụ: Phó trưởng phòng Cảnh sát an ninh, huyện An Khê, tỉnh Đăk Nông

Chức vụ: Phó trưởng phòng Cảnh sát an ninh, huyện An Khê, tỉnh Đăk Nông

Lưu nhân

Chức vụ: Phó trưởng phòng Cảnh sát an ninh, huyện An Khê, tỉnh Đăk Nông

Tên: ngày 26-6-1982

Trưởng công an xã Tân Thới

Quản lý Lê

ĐƠN HỒI VỤ

Trại cải tạo số 2

Số 100/V

TRUNG ƯƠNG VÀ HỒI QUÂN TỈNH BẮC

Đảng Cộng Sản Việt Nam - Bộ Quốc Phòng

CHÍNH LĨNH

Thị trấn An Khê, quân định địa số 105 ngày 17 tháng 4 năm 1980
của Bộ Nội Vụ.

Họ tên: Nguyễn Văn Chí

Họ và tên: Lê Văn Chí

Sinh ngày: tháng năm 1943

Hội trưởng trụ: 212/25/11, huyện, thành phố Sài Gòn 3.

Cán bộ: Đại tá, cấp bậc: cấp bậc, cấp bậc.

Sinh ngày: 12-6-1975

Chức vụ: 3 T

Đang được định số: ngày 17 tháng 4 năm 1980 của HQU thành phố.

Hội trưởng trụ: 212/25/11, huyện, thành phố Sài Gòn 3, HQU

Chức vụ: cấp bậc, cấp bậc, cấp bậc.

Thị trấn: An Khê, quân định địa số 105, cấp bậc, cấp bậc, cấp bậc.

Chức vụ: cấp bậc, cấp bậc, cấp bậc.

Chức vụ: cấp bậc, cấp bậc, cấp bậc.

Chức vụ: cấp bậc, cấp bậc, cấp bậc.

Chức vụ: cấp bậc, cấp bậc, cấp bậc.

Hội trưởng trụ: 212/25/11, huyện, thành phố Sài Gòn 3, HQU

Chức vụ: cấp bậc, cấp bậc, cấp bậc.

Chức vụ: cấp bậc, cấp bậc, cấp bậc.

Chức vụ: cấp bậc, cấp bậc, cấp bậc.

Hội trưởng trụ: 212/25/11, huyện, thành phố Sài Gòn 3, HQU

Chức vụ: cấp bậc, cấp bậc, cấp bậc.

Chức vụ: cấp bậc, cấp bậc, cấp bậc.

Chức vụ: cấp bậc, cấp bậc, cấp bậc.

Hội trưởng trụ: 212/25/11, huyện, thành phố Sài Gòn 3, HQU

Chức vụ: cấp bậc, cấp bậc, cấp bậc.

Chức vụ: cấp bậc, cấp bậc, cấp bậc.

Chức vụ: cấp bậc, cấp bậc, cấp bậc.

Chức vụ: cấp bậc, cấp bậc, cấp bậc.

Chức vụ: cấp bậc, cấp bậc, cấp bậc.

Chức vụ: cấp bậc, cấp bậc, cấp bậc.

Chức vụ: cấp bậc, cấp bậc, cấp bậc.

FR: YEN PHAM



TO: FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC

JUL 10 1989

P.O. Box 5435

ARLINGTON, VA 22205-0635

HỒ SỞ BỔ TÚC
LÊ VĂN CHÂU

C O N T R O L

____ Card
____ 6 Doc. Request; Form 06/27/89
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter

Phon. THH 77-752